

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI****BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 24/2015/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2015

THÔNG TƯ**Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương tiện giao thông đường sắt -
Giá chuyển hướng toa xe - Yêu cầu kỹ thuật***Căn cứ Luật Đường sắt ngày 14 tháng 6 năm 2005;**Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;**Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;**Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;**Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam,**Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương tiện giao thông đường sắt - Giá chuyển hướng toa xe - Yêu cầu kỹ thuật.***Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương tiện giao thông đường sắt - Giá chuyển hướng toa xe - Yêu cầu kỹ thuật.

Mã số đăng ký: QCVN 87:2015/BGTVT.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và bãi bỏ Quyết định số 53/2006/QĐ-BGTVT ngày 29/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Tiêu chuẩn ngành 22 TCN 359-06 “Phương tiện giao thông đường sắt - Giá chuyển hướng toa xe khách - Yêu cầu kỹ thuật khi sản xuất, lắp ráp mới”.**Điều 3.** Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.**BỘ TRƯỞNG****Đinh La Thăng**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 87:2015/BGTVT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT -
GIÁ CHUYỂN HƯỚNG TOA XE - YÊU CẦU KỸ THUẬT**

National technical regulation on railway vehicles -

Railway car's bogies - Technical requirements

HÀ NỘI - 2015

Lời nói đầu

QCVN 87:2015/BGTVT do Cục Đăng kiểm Việt Nam biên soạn, Vụ Khoa học - Công nghệ trình duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành theo Thông tư số 24/2015/TT-BGTVT ngày 16 tháng 6 năm 2015.

Quy chuẩn này được xây dựng trên cơ sở Tiêu chuẩn ngành số hiệu 22 TCN 359-06 được ban hành kèm theo Quyết định số 53/2006/QĐ-BGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Mục lục

1 Quy định chung

- 1.1 Phạm vi điều chỉnh
- 1.2 Đối tượng áp dụng
- 1.3 Giải thích từ ngữ

2 Quy định kỹ thuật

- 2.1 Yêu cầu chung
- 2.2 Yêu cầu đối với kết cấu và vật liệu

3 Quy định về kiểm tra

- 3.1 Quy định về hồ sơ
- 3.2 Nội dung kiểm tra

4 Quy định quản lý

5 Tổ chức thực hiện

Phụ lục 1: Mác thép chế tạo khung giá, má giá, xà nhún

Phụ lục 2: Biên dạng và kích thước mặt lặn bánh xe

Phụ lục 3: Thông số kiểm tra giá chuyển hướng dưới tải trọng tĩnh.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT -
GIÁ CHUYỂN HƯỚNG TOA XE - YÊU CẦU KỸ THUẬT

National technical regulation on railway vehicles -
Railway car's bogies - Technical requirements

1 Quy định chung

1.1 Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định yêu cầu kỹ thuật và kiểm tra đối với giá chuyển hướng loại 2 trực được sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu để sử dụng cho toa xe vận hành trên mạng đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng có kết nối với đường sắt quốc gia.

1.2 Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thiết kế, sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kiểm tra, cấp Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho giá chuyển hướng loại 2 trực sử dụng cho toa xe (sau đây gọi tắt là giá chuyển hướng).

1.3 Giải thích từ ngữ

Trong Quy chuẩn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.3.1 Tốc độ cấu tạo là tốc độ vận hành lớn nhất theo thiết kế được hạn chế bởi điều kiện an toàn và độ bền kết cấu mà toa xe có thể vận hành ổn định liên tục.

1.3.2 Khoảng cách hãm là quãng đường đoàn tàu chạy được trong thời gian hãm.

1.3.3 Bội suất hãm là tỷ số giữa tổng áp lực guốc hãm lý thuyết và lực đẩy của piston xi lanh hãm khi hiệu suất hãm là 100%.

1.3.4 Cự ly trực là khoảng cách giữa 2 đường tâm dọc trục xe trong cùng một giá chuyển hướng.

1.3.5 Giang cách bánh xe là khoảng cách phía trong giữa 2 đai bánh xe hoặc vành bánh xe trong cùng một bộ trục bánh.

1.3.6 Má giá là bộ phận cơ bản nằm ở hai bên giá chuyển, dùng để lắp với hộp trục và truyền lực tác dụng trong giá chuyển hướng.

1.3.7 Xà nhún là bộ phận liên kết với khung giá chuyển hướng hoặc má giá thông qua bộ phận lò xo, trực tiếp chịu trọng lượng của thân xe.

1.3.8 Khung giá chuyển hướng là bộ phận cơ bản để liên kết các hộp trục, đồng thời truyền lực tác dụng trong giá chuyển hướng.